



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: NOB5250400225-3

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TÀO VN
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Bắc Hải, Xã Minh Lương, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 02/04/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 02/04/2025 - 21/04/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 21/04/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : TẢO BỘT SPIRULINA
THỨC ĂN BỔ SUNG DINH DƯỠNG CHO CHĂN NUÔI
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cảm quan / Sensory	Sản phẩm dạng bột mịn, đồng nhất, không ẩm mốc, không vón cục, không có tạp chất lạ. Sản phẩm có màu xanh lá đậm. Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ	-	AVA-KN-PP.HL/56
2	Năng lượng trao đổi (*) / Metabolizable energy (*)	2641	kcal/kg	TCVN 8762:2011
3	Đạm (*) / Protein (*)	56.0	%	TCVN 4328-1:2007
4	Béo thô (có thủy phân) (*) / Crude fat (hydrolysis) (*)	6.23	%	AVA-KN-PP.HL/37 (Ref. TCVN 4331:2001)
5	Canxi (Ca) (*) / Calcium (Ca) (*)	6520	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/027 (Ref. AOAC 985.35)
6	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	810	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/028 (Ref. AOAC 999.10)
7	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.728	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
8	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.360	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
9	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	0.043	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
10	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)





Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: NOB5250400225-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
11	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
12	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
13	Carbohydrate (**) / Carbohydrate (**)	11.5	%	CASE.NS.0210:2022 (Ref.Food and Drug Administration 2016)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH

